BẢNG TỔNG HỢP TRI THỨC NGỮ VĂN LỚP 6 – 7 – 8 – 9 – 10- 11-12

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thể loại | Lớp | | | | | |
| Lớp 6 | | Lớp 7 | Lớp 8 | Lớp 9 | Lớp 10 |
| TRUYỆN  KHÁI NIỆM | Tác phẩm VH kể lại câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra sự việc | |  |  |  | Được triển khai hoặc liên kết với nhau thành mạch kể nhất định. Mạch kể thống nhất với hệ thống chi tiết, lời văn -> truyện kể |
| ĐẶC ĐIỂM/ YẾU TỐ TRONG TRUYỆN | ***Cốt truyện:*** | gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo trật tự nhất định, có mở đầu và kết thúc |  | ***-Cốt truyện đơn tuyến:*** cốt truyện chỉ có 1 mạch sự kiện, hệ thống sự kiện tương đối tối giản, tập trung thể hiện quá trình phát triển tính cách của nhân vật  ***-Cốt truyện đa tuyến***: Cốt truyện đồng thời ít nhất 2 mạch sự kiện, hệ thống phức tạp, chồng chéo, tái hiện những bình diện của đời sống gắn với số phận nhân vật chính |  | ***Cốt truyện*** tạo bởi sự kiện. Sự kiện là sự việc, biến cố dẫn đến những thay đổi mang tính bước ngoặt trong thế giới nghệ thuật hoặc bộc lộ những ý nghĩa nhất định |
| ***Nhân vật:*** | đối tượng có hình dáng, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc,... được nhà văn khắc họa |  |  |  | Nhân vật là con người cụ thể được khắc họa bằng BPNT. Cũng có thể là thần linh, loài vật đại diện cho tính cách, tâm lí, ý chí khát vọng của con người. Nhân vật là phương tiện để VH khám phá và cắt nghĩa con người. |
| ***Ngôi kể - điểm nhìn*** |  | **-Người kể chuyện**  1) Xuất hiện trực tiếp trong tác phẩm, xưng “tôi” kể về những gì mình đã tham gia/ chứng kiến.  -**Thay đổi kiểu người kể chuyện**  Trong 1 tác phẩm có thể   1. Sử dụng 2,3 người kể chuyện ngôi thứ nhất. 2. Kết hợp người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.   -Thay đổi kiểu người kể chuyện ( ý đồ của tác giả) vì từng ngôi kể sẽ có cách đánh giá/ nhìn nhận câu chuyện khác nhau -> làm phong phú hơn về mặt ý nghĩa cho câu chuyện. |  |  | **-Người kể chuyện**  1) Tự sự dân gian: người trực tiếp diễn xướng -> kể lại câu chuyện.  2) Tự sự văn học viết: là một “vai”/ “đại diện” do nhà văn tạo ra thay mình kể lại câu chuyện.  => Khơi dậy những cảm nghĩ về ý nghĩa mà truyện gợi ra.  **-Người kể chuyện ngôi thứ 1:** 1) xưng “tôi” ( có thể là nv chính, nv phụ, người chứng kiến, tác giả “lộ diện”).  2) là người kể chuyện hạn tri (ko bt hết mọi chuện) / trừ trường hợp ở vai trò tác giả( bt hết mọi chuyện)  -**Người kể chuyện ngôi thứ 3**  1) Ẩn danh ( ko xuất hiện trong chuyện chỉ bt qua lời kể)  2) Là người kể chuyện toàn tri ( bt tất cả diễn biến trong chuyện kể cả những điều trong nội tâm nhân vật) |
| LOẠI TRUYỆN | ***TRUYỆN ĐỒNG THOẠI:***  truyện viết cho trẻ em, có nhân vật là loài/ đồ vật được nhân cách hóa vừa mang đặc tính vốn có của loài/đồ vật, vừa mang đặc điểm của con người | | ***TRUYỆN NGỤ NGÔN***  **1)Truyện ngụ ngôn:** tự sự cỡ nhỏ, trình bày bài học đạo lí, kinh nghiệm sống, sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, bóng gió  **2)Một số đặc điểm của truyện ngụ ngôn:**  - Ngắn gọn  *- Nhân vật:* con người/ con vật/ đồ vật được nhân hóa  - Nêu lên tư tưởng, đạo lí, bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh pha yếu tố hài hước | ***TRUYỆN LỊCH SỬ***  **1)Truyện lịch sử:** tái hiện những sự kiện, nhân vật ở một thời kì, giai đoạn lịch sử cụ thể. Tình hình chính trị của quốc gia, dân tộc; khung cảnh sinh hoạt của con người;... là các yếu tố cơ bản tạo nên bối cảnh lịch sử của câu chuyện.  **2)Một số đặc điểm của truyện lịch sử:**  - *Cốt truyện:* trên cơ sở các sự kiện đã xảy ra; nhà văn tái tạo, hư cấu, sắp xếp theo ý đồ NT -> thể hiện chủ đề, tư tưởng  *- Thế giới nhân vật:* khắc họa những nhân vật nổi tiếng như vua chúa, anh hùng, danh nhân hiện ra với cái nhìn riêng, thể hiện cách lí giải độc đấo của nhà văn về lịch sử  - *Ngôn ngữ:* phù hợp với thời đại miêu tả, thể hiện vị thế XH, tính cách riêng từng đối tượng | ***TRUYỆN TRUYỀN KÌ***  **1)Truyện truyền kì:** văn xuôi tự sự, phát triển mạnh mẽ từ thời trung đại, dùng nhiều yếu tố kì ảo làm phương thức NT để phản ánh cuộc sống. Qua chi tiết kì ảo, người đọc có thể nhận thấy những vấn đề cốt lõi của hiện thực, quan niệm của tác giả  **2) Một số đặc điểm:**  -*Cốt truyện:* mô phỏng cốt truyện dân gian hoặc dã sử lưu truyền rộng trong dân gian; có khi mượn từ truyện truyền kì TQ. Cốt truyện chủ yếu dựa trên chuỗi sự kiện sắp xếp theo trật tự tuyến tính, có quan hệ nhân quả  *-Nhân vật:* có 3 nhóm: thần tiên, người trần, yêu quái. Các nhân vật thường có nét kì lạ, biểu hiện ở nguồn gốc ra đời, ngoại hình, năng lực siêu nhiên...  -*Không gian và thời gian:* Không gian có sự pha trộn giữa cõi trần, cõi tiên, cõi âm. Thời gian có sự kết hợp chặt chẽ giữa thời gian thực và thời gian kì ảo  -*Ngôn ngữ:* nhiều điển tích, điển cố | ***THẦN THOẠI***  **1)Thần thoại:** truyện kể ra đời sớm nhất về thế giới thần linh, thể hiện quan niệm về vũ trụ, nhân sinh của người xưa. Chia thành 2 nhóm: thần thoại suy nguyên, thần thoại sáng tạo  **2) Một số đặc điểm:**  *-Cốt truyện:* đơn giản, đơn tuyến hoặc là một tổ hợp nhiều cốt truyện đơn  -*Nhân vật chính:* vị thần, những con người có nguồn gốc thần linh, năng lực siêu nhiên (hình dạng khổng lồ, ngang tầm vũ trụ) -> lí giải các hiện tượng tự nhiên và đời sống XH, thể hiện niềm tin của con người cổ sơ  *-Thời gian:* mang tính ước lệ  *-Không gian:* vụ trụ bao la, nhiều cõi  -Lối tư duy hồn nhiên, trí tưởng tượng bay bổng |  |
|  | ***TRUYỀN THUYẾT***  **1)Truyền thuyết**: truyện dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử thông qua tưởng tượng, hư cấu  **2)Thế giới nghệ thuật của truyền thuyết:**  -Kể lại cuộc đời và chiến công của nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc phong tục, sản vật địa phương theo quan điểm của tác giả dân gian  -Theo mạch tuyến tính, gồm ba phần: hoàn cảnh xuất thân và thân thế, chiến công phi thường, kết cục  *-Nhân vật chính:* anh hùng phải đối mặt với thủ thách to lớn và lập nên chiến công phi thường nhờ tài năng xuất chúng và sự hỗ trợ của cộng đồng  *-Lời kể:* cô đọng, sắc thái trang trọng, ngợi ca; sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật  *-Yếu tố kì ảo:* xuất hiện đậm nét nhằm tôn vinh, lí tưởng hóa nhân vật và chiến công của họ | | ***TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG***  **1)Truyện KHVT:** viết về thế giới tương lai dựa trên sự phát triển của KH dự đoán, có tính chất li kì. Truyện sử dụng cách viết logic nhằm triển khai ý tưởng về viễn cảnh hay công nghệ tương lai, có những giả tưởng có thể trở thành sự thật.  **2) Một số yếu tố của truyện KHVT:**  - *Đề tài:* cuộc thám hiểm vũ trụ, du hành xuyên thời gian, cuộc kết nối với sự sống ngoài Trái Đất  - *Không gian:* Trái Đất hoặc ngoài Trái Đất  - *Thời gian:* trong tương lai xa xét từ mốc ra đời của tác phẩm  - *Cốt truyện:* chuối tình huống, sự kiện hoàn toàn tưởng tượng, dựa trên giả thuyết, dự báo và quan niệm KH  - *Nhân vật chính:* có sức mạnh thể chất phi thường, có cấu tạo hoặc khả năng kì lạ, trí thông minh kiệt xuất để tạo ra các phát minh | ***TRUYỆN CƯỜI***  Tự sự dung lượng nhỏ, dùng tiếng cười nhằm chế giễu những thói hư tật xấu, điều trái tự nhiên, trái thuần phong mĩ tục của con người, nhằm mục đích giải trí. Truyện cười ngắn, cốt truyện tập trung các sự việc có yếu tố gây cười, tình huống trớ trêu, những nghịch lí cuộc sống... Bối cảnh thường bị cường điệu so với thực tế, có yếu tố bất ngờ. Nhân vật chính là đối tượng bị chế giễu. Ngôn ngữ dân dã, nhiều ẩn ý. | ***TRUYỆN THƠ NÔM***  **1) Truyện thơ Nôm:** thể loại tự sự bằng thơ viết bằng chữ Nôm chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát  **2) Một số đặc điểm:**  -Có đề tài, chủ đề phong phú, cốt truyện theo trình tự thời gian với mô hình cơ bản: gặp gỡ - chia li – đoàn tụ  -*Nhân vật chính:* cô gái, chàng trai có vẻ đẹp toàn diện nhưng cuộc sống gặp nhiều trắc trở (phản ánh thực trạng XH đương thời, làm nổi bật vẻ đẹp con người)  -Đóng góp to lớn vào việc phát triển ngôn ngữ VH và thể thơ lục bát của dân tộc | ***SỬ THI***  **1)Sử thi:** tự sự dài, dung lượng đồ sộ, ra đời vào thời cổ đại  **2)Một số đặc điểm:**  -*Cốt truyện*: xoay quanh biến cố trọng đại liên quan đến vận mệnh của cộng đồng  -*Nhân vật:* anh hùng đại diện cho sức mạnh, lí tưởng, khát vọng chung của cộng đồng  -*Không gian:* kì vĩ, mang tính cộng đồng, bao quát cả thế giới thần linh và con người  -*Thời gian:* quá khứ thiêng liêng, thuộc về thời đại xa xưa  -*Lời kể:* thành kính, trang trọng, lặp lại những từ ngữ khắc họa đặc điểm cố định của nhân vật, thường dùng so sánh, điệp ngữ. Lời người kể chuyện và lời nhân vật mang tính khoa trương, cường điệu |
|  | ***TRUYỆN CỔ TÍCH***  **1)Truyện cổ tích:** truyện dân gian có nhiều yếu tố kì ảo, kể về số phận, cuộc đời của nhân vật trong các mối quan hệ XH. Nó thể hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa  **2)Đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích:**  -Kể về những xung đột trong gia đình, XH, phản ánh số phận các nhân vật và thể hiện ước mơ thay đổi số phận của họ  -*Nhân vật:* đại diện cho kiểu người khác nhau trong XH, chia làm 2 tuyến: chính diện, phản diện  -*Chi tiết, sự việc:* theo thời gian tuyến tính, thể hiện rõ quan hệ nhân quả  *-Lời kể*: thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ thời gian, không gian không xác định | |  |  | ***TRUYỆN TRINH THÁM***  **1)Truyện trinh thám:** viết về quá trình điều tra vụ án, có những yếu tố bí ẩn, bất ngờ. Quá trình điều tra dựa trên sự logic, thường làm sáng tỏ ở phần kết thúc truyện  **2)Một số yếu tố của truyện trinh thám:**  - *Không gian:* hiện trường – nơi xảy ra vụ án (không gian hẹp/rộng) gắn với dấu hiệu bằng chứng phạm tội  - *Thời gian:* Phần đầu cụ thể thông tin về tháng, năm hay tình huống mà người điều tra tiếp nhận -> tính chân thực  *- Cốt truyện:* chuỗi sự kiện mà sự kiện trung tâm là vụ án được đặt ra, nhiều tình tiết phức tạp; sau đó là hành trình giải mã của người điều tra và cuối cùng bí ẩn được sáng tỏ  - *Nhân vật:* người điều tra (nhân vật chính có thể là thanh tra, thám tử, cảnh sát...), nạn nhân, nghi phạm, thủ phạm  - *Chi tiết:* bí ẩn, li kì, bất ngờ. Những cử chỉ, lời nói, chân dung... của nhân vật thường có dấu hiệu của bằng chứng hoặc manh mối quan trọng trong quá trình điều tra  - *Ngôi kể:* ngôi 1 hoặc ngôi 3 |  |
| THƠ  KHÁI NIỆM |  | |  |  |  | ***-Thơ*** là hình thức tổ chức ngôn từ đặc biệt, tuân theo mô hình thi luật hoặc nhịp điệu nhất định -> thể hiện tình cảm, xúc động tinh tế của con người trước thế giới  ***-Thơ trữ tình:*** dung lượng nhỏ, thể hiện cảm xúc trực tiếp, tâm trạng của nhân vật trữ tình |
| ĐẶC ĐIỂM | ***Đặc điểm chung:***  -Theo một thể thơ nhất định với những đặc điểm riêng về số tiếng/dòng, số câu/bài  -ND: chủ yếu là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống. Thơ có thể có yếu tố tự sự, miêu tả nhưng chỉ là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm.  -Ngôn ngữ: cô đọng, giàu nhạc điệu, hình ảnh, sử dụng nhiều BPTT | |  |  |  |  |
|  |  | | ***Tình cảm, cảm xúc trong thơ:***  -Cội nguồn làm nên sức hấp dẫn của thơ trữ tình. Gốc của thơ là tình cảm, ND chủ yếu của thơ là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời.  -Cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời là thế giới tình cảm riêng, nhưng lại có những điểm đồng điệu với cảm xúc chung của nhiều người -> người đọc cảm nhận như nhà thơ đang nói hộ nỗi lòng mình |  |  |  |
|  |  | |  | ***Mạch cảm xúc:*** cảm xúc vận động theo 1 trình tự và phát triển thành mạch, có nhiều cung bậc, sắc thái chi phối ND và HT |  |  |
|  |  | |  |  | ***Kết cấu:*** cách tổ chức, sắp xếp, liên kết mạch cảm xúc, thế giới, hình tượng và các phương tiện ngôn ngữ |  |
|  |  | |  |  |  | ***Nhân vật trữ tình***: người trực tiếp bộc lộ rung động, tình cảm trước khung cảnh, sự tình nào đó, có mối liên hệ chặt chẽ với tác giả song không đồng nhất với tác giả |
|  | ***Hình ảnh thơ*** | | ***Hình ảnh trong thơ:*** phương tiện bộc lộ tình cảm, tư tưởng của nhà thơ. Hình ảnh trong thơ có nguồn gốc từ đời sống nhưng mang dấu ấn hư cấu, tưởng tượng, in đậm tình cảm chủ quan của nhà thơ. |  |  | ***Hình ảnh thơ:*** sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tái tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác, gợi ý nghĩa tinh thần |
|  | ***Nhịp thơ*** | | **Nhịp thơ:** phương tiện quan trong để cấu tạo hình thức nghệ thuật đặc thù của thơ |  |  | **-Nhịp điệu:** điểm ngắt hay ngừng theo chu kì nhất định, chứa đựng sự lặp lại có biến đổi của các yếu tố ngôn ngữ và hình ảnh -> cảm giác về sự vận động của sự sống, cảm nhận thẩm mĩ về thế giới |
|  |  | |  |  |  | -**Vần thơ:** sự cộng hưởng, hòa âm theo quy luật giữa một số âm tiết trong hay cuối dòng thơ, có chức năng liên kết các dòng thơ, tạo nhịp điệu, nhạc điệu  **-Nhạc điệu:** tổ chức yếu tố âm thanh của ngôn từ -> cảm nhận về âm nhạc. Để tạo nên nhạc điệu là gieo vần, nhịp, phối hợp thanh bằng – trắc...  -**Đối:** tổ chức lời văn thành 2 vế cân xứng và sóng đôi cả về lời và ý, chia thành 2 loại: đối cân, đối chọi  **-Thi luật:** quy tắc tổ chức ngôn ngữ trong thơ  **- Thể thơ:** sự thống nhất về mô hình thi luật và loại hình ND của tác phẩm thơ |
| LOẠI THƠ | ***THƠ LỤC BÁT***  **1)Thơ lục bát**  Các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng 6 tiếng, một dòng 8 tiếng  **2) Một số đặc điểm:**  *-Vần:* tiếng cuối của dòng 6 vần với tiếng thứ sáu của dòng 8; tiếng cuối của dòng 8 vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo  *-Thanh điệu:* trong dòng 6 và dòng 8, các tiếng thứ sáu, thứ tám là thanh bằng còn tiếng thứ tư là thanh trắc. Riêng trong dòng 8, mặc dù tiếng thứ 6 và thứ 8 đều là thanh bằng nhưng nếu tiếng thứ 6 là thanh huyền thì tiếng thứ 8 là thanh ngang và ngược lại.  -*Nhịp:* thường ngắt nhịp chẵn (2/2/2, 2/4, 4/4,...) | | ***THƠ 4 CHỮ, 5 CHỮ***  **1)Thơ 4 chữ, 5 chữ:** những thể thơ được gọi tên theo số chữ trong mỗi dòng  **2)Một số đặc điểm:**  -*Cách gieo vần:* thường đặt cuối dòng ( vần chân). Vần có thể gieo liên tiếp (vần liền) hoặc cách quãng ( vần cách), cũng có thể phối hợp nhiều kiểu gieo vần trong một bài (vần hỗn hợp)  -Thơ 4 chữ ngắt nhịp 2/2; thơ 5 chữ ngắt nhịp 2/3 hoặc 3/2. Tuy nhiên cũng có thể ngắt linh hoạt  -Gần gũi với đồng dao, thích hợp với việc kể chuyện; hình ảnh thơ gần gũi | ***THƠ ĐƯỜNG LUẬT***  Thể thơ viết theo quy tắc chặt chẽ định hình từ thời nhà Đường (TQ) gồm 2 thể chính là bát cú Đường luật và tứ tuyệt Đường luật. Bài thơ Đường luật có quy định nghiêm ngặt về hòa thanh, niêm, đối, vần và nhịp. Ngôn ngữ cô đọng, hàm súc; bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình; ý thơ thường gắn với mối liên hệ giữa người và cảnh, tĩnh và động, thời gian và không gian, QK và hiện tại, hữu hạn và vô hạn. | ***THƠ SONG THẤT LỤC BÁT***  **1)Thơ song thất lục bát:** có nguồn gốc dân tộc, kết hợp đan xen câu 7 tiếng với từng câu 6 và 8 tiếng; có thể chia thành nhiều khổ; ngoài ra còn có hiện tượng biến thể  **2)Đặc điểm:**  -*Vần:* vần lưng gieo ở tiếng thứ tư (hoặc 6) của câu thơ 8 tiếng và tiếng thứ ba (hoặc 5) của câu thơ 7 tiếng, vần chân gieo ở tiếng cuối của tất cả các câu thơ.  -*Thanh điệu:* thanh bằng, trắc đặt ở các vị trí cố định  -Câu thơ 7 tiếng thường có cách ngắt nhịp lẻ trước chẵn sau. Hai câu 6 và 8 ngắt theo thể lục bát |  |
|  | ***Lục bát biến thể:***  không hoàn toàn tuân theo luật thơ lục bát thông thường, có sự biến đổi về số tiếng trong các dòng, cách gieo vần, phối thanh, ngắt nhịp... | |  | ***THẤT NGÔN BÁT CÚ ĐƯỜNG LUẬT***  -*Bố cục:* gồm 4 cặp câu thơ tương ứng với 4 phần (đề, thực, luận, kết). Khi đọc hiểu có thể chia bố cục thành 2 phần: 4 câu đầu, 4 câu cuối hoặc 6 câu đầu, 2 câu cuối  -*Niêm và luật bằng trắc:* Phải sắp xếp thanh bằng, trắc trong từng câu và cả bài theo quy định. Quy định này được tính từ chữ thứ 2 của câu thứ nhất: nếu chữ này là thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng, là thanh trắc thì bài thơ thuộc luật trắc. Trong mỗi câu, các thành bằng, trắc đan xen nhau đảm bảo sự hài hòa, cân bằng, luật quy định ở chữ thứ 2,4,6; trong mỗi cặp câu (liên), các thành bằng, trắc phải ngược nhau. Về niêm, 2 cặp câu liền nhau được “dính” theo nguyên tắc: chữ thứ 2 của câu 2 và câu 3, câu 4 và câu 5, câu 6 và câu 7, câu 1 và câu 8 phải cùng thanh.  -*Vần và nhịp:* Chỉ gieo 1 vần là vần bằng ở chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8; riêng vần của câu thứ nhất có thể linh hoạt. Cấu thơ thường ngắt nhịp 4/3.  - *Đối:* phép đối ở 2 câu thực và 2 câu luận | ***THƠ 6 CHỮ, 7 CHỮ, 8 CHỮ***  -Xác định dựa vào số chữ trong mỗi dòng thơ  -Số lượng dòng không hạn chế, có thể chia khổ, thường dùng vần chân, gieo vần liền hoặc vần cách |  |
|  |  | |  | ***TỨ TUYỆT ĐƯỜNG LUẬT***  Có 4 câu, mỗi câu năm hoặc bảy chữ. Về bố cục, thường triển khai theo hướng: khởi, thừa, chuyển, hợp. Về luật thơ vẫn tuân theo quy định như thất ngôn bát cú nhưng không bắt buộc phải đối |  |  |
|  |  | |  | ***THƠ TRÀO PHÚNG***  -ND: dùng tiếng cười để phe phán những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa... nhằm hướng con người tới cái GT thẩm mĩ, nhân văn hoặc lí tưởng sống cao đẹp  -NT: sử dụng PBTT so sánh, nói quá, ẩn dụ... tạo ra tiếng cười hài hước, mỉa mai, đả kích sâu cay |  |  |
|  |  | |  | ***THƠ TỰ DO***  -Không quy định số tiếng trong mỗi dòng và số dòng  - Có thể có vần hoặc không có vần  - Tính chất phóng khoáng -> sinh động cảm xúc trước những biểu hiện mới mẻ, đa dạng của cuộc sống |  |  |

**Bảng tổng hợp kiến thức về truyện lớp 11 và 12**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thể loại | LỚP | | |
| Lớp 11 | | Lớp 12 |
| **Truyện-Tiểu thuyết**  Khái niệm | **-Câu chuyện** (còn được gọi là truyện gốc) là nội dung của tác phẩm tự sự bao gồm nhân vật, bối cảnh và sự kiện được sắp xếp theo trật tự thời gian  **-Truyện kể**: gắn liền với câu chuyện (không đồng nhất): gồm các sự kiện được tổ chức theo mạch kể của văn bản tự sự, gắn với vai trò của người kể chuyện, hệ thống điểm nhìn và lớp lời văn nghệ thuật. **Chú ý** đến truyện kể tức là chú ý đến cách câu chuyện được kể như thế nào. | | -**Tiểu thuyết**: tác phẩm tự sự quy mô lớn, thể hiện các nội dung đa dạng và bao quát một phạm vi hiện thực rất rộng, trải ra trên nhiều không gian, thời gian khác nhau nhưng dành sự chú ý đặc biệt cho đời tư hay số phận của con người cá nhân. |
| **Đặc điểm, yếu tố trong truyện kể** | Cốt truyện |  |  |
| Nhân vật |  |  |
| Điểm nhìn  Ngôi kể | -Điểm nhìn được hiểu là vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá câu chuyện của người kể chuyện khi kể lại câu chuyện đó.  - Có nhiều loại điểm nhìn khác nhau trong TP tự sự như: điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật được kể; điểm nhìn bên ngoài (miêu tả sự vật, con người ở những bình diện ngoại hiện, kể về những điều nhân vật không biết) và điểm nhìn bên trong (kể và tả xuyên qua cảm nhận, ý thức của nhân vật); điểm nhìn không gian (nhìn xa – nhìn gần) và điểm nhìn thời gian (nhìn từ thời điểm hiện tại, miêu tả sự việc như nó đang diễn ra hay nhìn lại quá khứ, để lại qua lăng kính hồi ức,…) Điểm nhìn còn mang tính tâm lý, tư tưởng, gắn liền với vai kể của người kể chuyện hoặc hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật.  -**Câu** **chuyện** 1) Có thể gắn với một điểm nhìn, một quan điểm, một cách đánh giá cho mọi sự việc ( định hướng cho người đọc ).  2) Được kể từ nhiều điểm nhìn, có nhiều quan điểm và nhiều cách đánh giá khác nhau ( có thể đối lập nhau ) xoay quanh nhiều sự việc và nhân vật.  🡺 Tạo nên tính đối thoại của tác phẩm và người đọc sẽ được chủ động tích cực hơn trong việc đánh giá. |  |
|  | **Lời người kể chuyện- Lời nhân vật** | **-Lời người kể chuyện** gắn với ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện.  -**Chức năng**: miêu tả, trần thuật, đưa ra những phán đoán, đánh giá về đối tượng được miêu tả, sẽ định hướng việc hình dung, theo dõi mạch kể của người đọc.  **-Lời nhân vật** là ngôn ngữ độc thoại hay đối thoại gắn với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật.    -**Trong văn bản tự sự**, (đặc biệt ở tự sự hiện đại), lời người kể chuyện và lời nhân vật có khả năng kết nối, giao thoa với nhau tạo nên hiện tượng đặc biệt về lời văn như:  +) lời nửa trực tiếp (lời của người kể chuyện nhưng tái hiện ý thức, giọng điệu của nhân vật)  +) lời độc thoại nội tâm (tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật)  +) lời nhại (lời mô phỏng quan điểm, ý thức giọng điệu của nhân vật với chủ ý mỉa mai hay bông đùa,…) |  |
|  | Loại Truyện | **TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI**    - Thể loại tự sự cỡ nhỏ, sự ngắn gọn là một đặc trưng nổi bật🡺 nét riêng của tư duy thể loại.  - Thường chỉ xoay quanh một, hai tình huống diễn ra trong khoảng thời gian, không gian hạn chế. Tuy nhiên, những lát cắt đời sống này lại giàu sức khơi gợi, gây ấn tượng mạnh đối với người đọc. Do dung lượng bị giới hạn🡺đòi hỏi sự chắc lọc, dồn nén của các chi tiết và vận dụng bút pháp chấm phá trong trần thuật. | **TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI**  -Thể hiện 1 cách tư duy mới mang tính hiện đại về cuộc sống, phân hiệt với tiểu thuyết cổ điển.  -Giữa nhiều các xu hướng tìm tòi khác nhau có khoảng cách lớn🡺khó và phức tạp để xác định diện mạo của tiểu thuyết HĐ.  \*) Các đặc điểm lớn của tiểu thuyết HĐ:  - Nhìn cuộc sống từ góc độ đời tư; quan tâm đến cái thường ngày, cái đang diễn biến với cách tiếp cận gần gũi; không lí tưởng hóa hiện thực.  - Nhân vật là “con người nếm trải”, không bất biến, có quá trình phát triển quanh co, phức tạp về tính cách, tâm lí.  - Có kết cấu nhiều tầng lớp tuyến tính hoặc phi tuyến tính; có sự đan xen của nhiều bè ngôn ngữ, phản ánh sự tồn tại, xung đột thường xuyên giữa các ý thức xã hội.  - Có khả năng tổng hợp cao mọi kinh nghiệm nghệ thuật của các thể loại văn học khác để hình thức luôn ở trong trạng thái biến đổi không ngừng.  **TRUYỆN TRUYỀN KÌ**  **- Truyện truyền kì:** thể loại văn xuôi tự sự có nguồn gốc từ văn học Trung Quốc, tiếp nhận và phát triển ở các nước thuộc khu vực chịu ảnh hưởng văn hóa Hán.  **-** Phát triển trên nền tảng truyện thần thoại, truyền thuyết của văn hóa dân gian và những tín ngưỡng văn hóa trong đời sống tinh thần của các dân tộc  **-**Yếu tố kì ảo đc sd như 1 phương thức đặc thù 🡺 thể hiện các vấn đề của thực tại.  **- Các yếu tố kì ảo của truyện truyền kì:**  **+) Nhân vật kì ảo:** có thể có năng lực siêu nhiên, xuất thân kì lạ, diện mạo khác thường, hành tung biến hoá,... Trong truyện truyền kì, nhân vật kì ảo và nhân vật phàm trần đối thoại, tương tác,... với nhau một cách tự nhiên, không có sự cách biệt. Được chú trọng xây dựng với những góc cạnh đa dạng🡺dụng ý nghệ thuật thâm thúy.  ***- Sự việc kì ảo:*** Các biến cố, sự kiện,... kì ảo liên kết với nhau thành chuỗi, tạo nên cốt truyện có tính chất li kì, huyền ảo.  ***-*** Sự việc kì ảo xảy ra trong một không gian và thời gian khác lạ.  +) **Về không gian**, có không gian cõi tiên ; không gian âm phủ ; thiên nhiên sóng cuộn gió gào gợi cảm giác sợ hãi**,...**  **+)Về thời gian**, có thời gian ban đêm🡺 huyền bí; thời gian hư ảo🡺 sự tĩnh tại, vĩnh hằng;... Cốt truyện của truyện truyền kì gắn chặt với các yếu tố văn hóá, tín ngưỡng, truyền thống lịch sử,... của từng dân tộc.  ***- Thủ pháp nghệ thuật:***  Sự kết hợp linh hoạt giữa yếu tố kì ảo (thường được nhận diện tương đối gồm *kì* - kì lạ, khác thường, siêu phàm,... và *quái* - quái dị, ma quỷ, yêu tinh, ...) với yếu tố *thực* là thủ pháp quan trọng của truyện truyền kì. (ví dụ: sự pha trộn không gian các cõi (thần tiên, trần tục, âm phủ,...). Việc sử dụng giấc mộng, đan xen thực tại với hồi ức,... cũng là thủ pháp khá phổ biến 🡺 tạo dựng nên một thế giới nghệ thuật có tính phức hợp.  - Truyện truyền kì chủ yếu hướng đến các nội dung xã hội - lịch sử🡺 yếu tố kì ảo được sử dụng như một phương thức🡺 lí giải một nội dung hiện thực nhất định; yếu tố kì ảo 🡺 sự lôi cuốn, sức hấp dẫn, sự li kì,... của tác phẩm. Trong truyện hiện đại, yếu tố kì ảo vẫn được các nhà văn tiếp tục khai thác, sử dụng theo nhiều cách thức khác nhau. |
| **TRUYỆN THƠ**  - Truyện thơ thuộc loại hình tự sự, có cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể được thể hiện dưới hình thức THƠ.  -dung lượng lớn, bao quát nhiều sự kiện, con người, chi tiết cụ thể, sinh động của đời sống thường nhật. Có một số truyện thơ còn lưu lại dấu ấn của sử thi (cảm hứng thế sự vẫn nổi trội so với cảm hứng lịch sử hướng về những diễn biến lớn trong đời sống cộng đồng). Hiện diện trong nhiều nền văn học, có lịch sử lâu đời, phát triển thành một số dòng riêng theo sự chi phối của các điều kiện văn hóa, xã hội cụ thể.  **TRUYỆN THƠ DÂN GIAN**  +) do tầng lớp bình dân hoặc các trí thức sống gần gũi với tầng lớp bình dân sáng tác;  +) lưu hành chủ yếu bằng con đường truyền miệng hoặc thông qua các văn bản viết.  +) Đề tài khai thác từ nhiều nguồn khác nhau như truyện cổ, sự tích tôn giáo hay những câu chuyện đời thường.  +) Kế thừa truyền thống của dân ca với sự kết hợp hài hòa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình 🡺thể hiện được cách sinh động đời sống hiện thực và những tình cảm, ước mơ, khát vọng của nhiều lớp người trong xã hội, nhất là những người lao động nghèo.  +) Ngôn ngữ: giản dị, chất phác, giàu hình ảnh, gắn liền với cách tư duy hình ảnh rất đặc trưng của những người sống hòa đồng, gắn bó với đất đai, muông thú, cỏ cây,…  **TRUYỆN THƠ NÔM**  -Tác phẩm tự sự độc đáo của văn học Trung đại Việt Nam  - Kết hợp giữa phương thức tự sự và trữ tình, viết bằng chữ Nôm, sử dụng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát.  - Phân loại thành 2 nhóm theo tiêu chí đặc điểm ND và NT: 1) truyện thơ Nôm bình dân: thường khuyết danh, tác giả là các Nho sĩ, trí thức bình dân; cốt truyện thường được lấy từ văn học dân gian hoặc từ đời sống thực tế; hình thức nghệ thuật thô mộc, có sức cuốn hút bằng vẻ đẹp bình dị, hồn nhiên  2) truyện thơ Nôm bác học: có tên tác giả, là những Nho sĩ thuộc tầng lớp phong kiến quý tộc, có học vấn uyên bác; cốt truyện thường lấy từ văn học Trung Quốc hoặc mang tính tự thuật; hình thức nghệ thuật được trau chuốt, điêu luyện.  -Đề tài, chủ đề: rộng mở (tôn giáo, lịch sử, xã hội, cuộc sống đời thường) ; đặt ra nhiều vấn đề cấp bách của thời đại. Nổi bật là cảm hứng khẳng định tình yêu tự do và cuộc đấu tranh bảo vệ hạnh phúc gia đình; tôn vinh vẻ đẹp của người phụ nữ, tố cáo, phê phán xã hội đương thời🡺 khát vọng công lí, công bằng.  -Câu chuyện thường được kể theo trình tự thời gian với nhiều yếu tố ngẫu nhiên, kì ảo và thường được tổ chức theo mô hình: Gặp gỡ – Chia li – Đoàn tụ  -Nhân vật: phong phú, đa dạng về thành phần:  vua chúa, quan lại, công chúa, tiểu thư, người hầu, người lao động, Nho sĩ, nhà sư, nhà buôn.. 🡺khái quát các đặc điểm cố định của một số tầng lớp, loại người trong xã hội hay một loại phẩm chất nào đó của con người. |  |

**Bảng tổng hợp kiến thức về thơ lớp 11 và 12**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thể loại | Lớp | | |
| Lớp 11 | Lớp 12 | |
| Thơ – Khái niệm |  | |  |
| Các đặc điểm  Các yếu tố trong thơ | **\*) Cấu tứ trong thơ**  - Cấu tứ là một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng.  - Cấu tứ gắn với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ🡺 toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất.  **\*) Tứ thơ**  - Sản phẩm của hoạt động cấu tứ trong thơ là tứ thơ (gọi đơn giản là tứ). Tứ đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống.  -Tứ làm cho bài thơ trở nên chặt chẽ, mọi yếu tố cấu tạo đều liên hệ mật thiết với nhau và đều hướng đến một ý tưởng – hình ảnh trung tâm.  **\*) Yếu tố tượng trưng trong thơ**  - Trong lĩnh vực sáng tác thơ ca, tượng trưng trước hết được dùng để chỉ một loại hình ảnh, hình tượng mang tính đặc thù.  -Tác giả sử dụng những hình ảnh sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể 🡺diễn ta gợi lên cảm nhân sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm.  -Thuật ngữ này thường xuất hiện trong các kết hợp từ: hình ảnh, hình ảnh tượng trưng; yếu tố tượng trưng; tính chất tượng trưng; chủ nghĩa tượng trưng…  - Trước một hình ảnh, hình tượng chứa đựng nhiều tầng nghĩa và gợi lên những cảm nhận đa chiều, người ta có căn cứ để nói đến sự hiện diện của yếu tố tượng trưng. Yếu tố tượng trưng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên tính chất tượng trưng của bài thơ.  **\*) Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình**  - Thơ trữ tình không đặt trọng tâm vào việc kể một câu chuyện, có nhân vật, có tính cách, có bối cảnh không gian và thời gian với rất nhiều chi tiết cụ thể như truyện thơ, mà ưu tiên hàng đầu cho việc thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.  -Tuy nhiên trong thơ trữ tình vẫn thường được sử dụng yếu tố tự sự. Câu chuyện được kể trong bài thơ sẽ làm nền cho tiếng nói trữ tình và chịu sự chi phối của mạch cảm xúc mà tg triển khai.( vì vậy những câu chuyện đc “kể” một cách vừa đủ 🡺cảm xúc của tác giả đc bộc lộ trọn vẹn) | | **\*) Yếu tố siêu thực trong thơ**  **- Yếu tố siêu thực trong thơ** biểu hiện trước hết qua những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, phần nào gây cho độc giả cảm giác khó hiểu.  **-**Tuy nhiên, từ phía người sáng tác, sự hiện diện của những hình ảnh ấy hoàn toàn mang tính tự nhiên vì chúng gắn với việc “cất lời” của tiềm thức, vô thức.  **-**Để khám phá được một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện tượng thông thường dễ thấy, các nhà thơ siêu thực theo đuổi “lối viết tự động”, để ngòi bút “buông” theo sự dẫn dắt của tiềm thức, vô thức🡺 xây dựng một thế giới thơ có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế.  **-**Yếu tố siêu thực đã xuất hiện thấp thoáng trong một số tác phẩm thơ thời trung đại hoặc thơ dân gian, nhưng chỉ trở thành hiện tượng thẩm mĩ đặc thù trong sáng tác của các nhà thơ theo chủ nghĩa siêu thực hoặc chịu ảnh hưởng sâu đậm của chủ nghĩa này ở thời hiện đại. |

**Bảng tổng hợp kiến thức về kí**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| LOẠI | Lớp 6 | Lớp 7 | Lớp 11 | Lớp 12 |
| KÍ-KHÁI NIỆM/ ĐẶC ĐIỂM | - Kí là loại tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thực.  - Trong kí có kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết. (có tác phẩm nghiêng về kể sự việc / có tác phẩm nghiêng về bộc lộ cảm xúc)  **\*) Các đặc điểm của Kí**  -Với một số thể loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc. Sự việc kể theo trình tự thời gian, tác giả xưng “tôi” đóng vai tròn người kể chuyện  -Trong Kí, khi kể, tác giả kết hợp trình bày suy nghĩ, cảm xúc, sự quan sát, liên tưởng, tưởng tượng của mình về sự việc. |  | **-Kí**là tên gọi một nhóm các thể/ tiểu loại tác phẩm văn xuôi phi hư cấu (có thật trong thực tế)  **-C**ó khả năng dung hợp các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thông tin🡺 tái hiện những trạng thái đời sống đang được xã hội quan tâm và bộc lộ trực tiếp những cảm nghĩ của tác giả.  -Tuỳ vào mục đích viết, sự bộc lộ cái tôi tác giả và cách thức tổ chức các phương tiện biểu đạt mà tác phẩm kí được gọi là tuỳ bút, tản văn, phóng sự hay là kí sự, truyện kí, hồi kí, nhật kí, du kí,... |  |
| CÁC THỂ LOẠI/ TIỂU LOẠI  TRONG KÍ | **\*)Du kí:** thể loại kí ghi chép về những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại  hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình. | **\*) Tùy bút**  - Tuỳ bút là một thể loại văn xuôi thuộc loại hình kí.  -Điểm tựa của tuỳ bút là cái tôi của tác giả. Qua việc ghi chép về con người, sự kiện cụ thể, có thực, tác giả tuỳ bút thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của mình.Thiên về tính trữ tình, có thể kết hợp trữ tình, suy tưởng, triết lí, chính luận.  -Bố cục: khá tự do,triển khai theo một cảm hứng chủ đạo, một tư tưởng chủ đề nhất định. Tuỳ bút không nhất thiết phải có một cốt truyện cụ thể hay nhân vật hoàn chỉnh. Ngôn từ của tuỳ bút giàu hình ảnh, giàu chất thơ.  **\*) Tản văn**  - Tản văn là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc. Người viết tản văn thường dựa trên một vài nét chấm phá về đời sống để thể hiện tâm trạng, suy nghĩ, chủ kiến của mình.  -Tản văn khá tự do trong cách biểu hiện, có sự kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận, miêu tả, khảo cứu,... Ngôn từ của tản văn gần gũi đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự. | **\*) Tùy bút và tản văn ( yếu tố tự sự và trữ tình )**  -Trong tùy bút và tản văn 2 yếu tố này đc kết hợp linh hoạt tùy vào ý tưởng trung tâm được triển khai, đối tượng quan sát và đặc điểm phong cách NT của ng viết.  -**Tuỳ bút:**  +) Là tiểu loại kí có tính tự do cao, có bố cục linh hoạt, thường nghiêng hẳn về tính trữ tình với điểm tựa là cái tôi của tác giả.  +) Người viết sẽ tuỳ cảnh, tuỳ việc, tuỳ theo cảm hứng mà trình bày, nhận xét, đánh giá, suy tưởng,... Nếu có miêu tả, kể chuyện thì đó cũng chỉ là cái cớ để giải bày cảm xúc, suy tư trữ tình.  **-Tản văn:**  +)Một tiểu loại kí thường sử dụng đồng thời cả yếu tố tự sự và trữ tình, có thể kết hợp nghị luận, miêu tả🡺 thể hiện những rung cảm thẩm mĩ và quan sát tinh tế của tác giả về các đối tượng đa dạng trong đời sống.  +) Cái tôi của tác giả luôn hiện diện rõ nét, nhưng việc triển khai những liên hệ, suy tưởng phần nào được tiết chế so với tuỳ bút.  **\*) Truyện Kí ( Phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí )**  **-Truyện kí:**  **+) Một** dạng truyện kể về người thật, việc thật. Tôn trọng sự thật đời sống.  +) Đòi hỏi quan trọng hàng đầu về việc đảm bảo tính xác thực của toàn bộ sự việc được kể đối với các sáng tác thuộc thể loại này🡺 truyện kí được xếp vào loại văn học **phi hư cấu**.  **\*)Yếu tố hư cấu trong truyện kí**  -Yếu tố **hư cấu** vẫn luôn hiện diện trong truyện kí (dù được sử dụng một cách tiết chế).  -Thể hiện ở sự sáng tạo riêng của người viết khi xử lí, tổ chức tư liệu và lựa chọn giọng điệu, ngôn ngữ trần thuật thích hợp.  -Yếu tố hư cấu còn được thể hiện qua cách người viết hình dung, miêu tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật. | **\*) Phóng sự**  - Xuất hiện trên cơ sở sự phát triển của báo chí hiện đại, là một thể loại thuộc tính hình kí.  - Cung cấp cho người đọc cái nhìn chân thực về một sự việc, hiện tượng, thường là đặc biệt, có ý nghĩa thời sự, diễn ra trong đời sống xã hội đương thời.  -Dùng sự thật để phản bác những nhận thực còn sai lệch và khẳng định điều tốt đẹp trong đời sống, tác động tích cực đến nhận thức của người đọc. Tính chân thực về thời gian, địa điểm, sự kiện, con người và chi tiết là những đặc điểm cốt lõi của một bài phóng sự.  -Để đảm bảo sự xác thực và độ tin cậy của thông tin, người viết phóng sự thường dùng những biện pháp nghiệp vụ báo chí như điều tra, phỏng vấn, ghi chép tại chỗ,…  - Tác giả còn có thể sử dụng các thủ pháp hư cấu ở một mức độ nhất định🡺làm cho câu chuyện và các sự kiện được kể trở nên hấp dẫn hơn🡺 nhiều phóng sự còn thể hiện tính thẩm mĩ, mang dấu ấn phong cách cá nhân người viết.  **\*) Hồi kí**  -Hồi kí là thể loại thuộc loại hình kí, có giá trị tư liệu cao, kể lại từ điểm nhìn chủ quan về những sự kiện, biến cố đã xảy ra trong quá khứ mà tác giả là nhân vật trung tâm hoặc là người tham dự, chứng kiến.  -Luôn đề cao tính xác thực của những gì được kể. Câu chuyện về con người và sự việc trong hồi kí giúp độc giả vừa thấy rõ trải nghiệm phong phú và thế giới tinh thần tiêng của người viết, vừa hình dung được diện mạo chân thực của đời sống lịch sử - xã hội và văn hóa một thời đã qua. Người viết hồi kí thường tập trung ghi chép, soi tỏ phần hiện thực mà mình hiểu rõ với tư cách là chứng nhân.  -Trong hồi kí, tác giả là người kể chuyện ngôi thứ nhất, trực tiếp trình bày, mô tả về con người và sự việc. Cùng với điều đó, quy luật vận động riêng của trí nhớ đã làm cho hồi kí mang đậm tính chủ quan - một đặc điểm quan trọng tạo nên sức hút riêng của thể loại này. |

**BẢNG TỔNG HỢP KIẾN THỨC VỀ KỊCH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| LOẠI | Lớp | | | | |
| Lớp 8 | Lớp 9 | Lớp 10 | Lớp 11 | Lớp 12 |
| CÁC THỂ LOẠI  VÀ YẾU TỐ CỦA MỖI LOẠI TRONG KỊCH | **\*) Hài kịch**  - Hài kịch là một thể loại của kịch, hướng vào sợ cười nhạo cái xấu xa, lố bịch, lạc hậu… đối lập với các chuẩn mực về cái tốt đẹp, tiến bộ.  - Trong hài kịch có nhiều hình thức xung đột, phổ biến nhất là sự không tương xứng giữa cái bên trong với cái bên ngoài.  +)Xung đột kịch biểu hiện qua hành động kịch với các sự việc, tình huống gây cười.  +) Nhân vật chính trong hài kịch là những kiểu người có tính cách tiêu biểu cho các thói xấu đáng phê phán: hà tiện, tham lam, kiêu căng, khoe mẽ…  -Lời đối thoại trong hài kịch mang đậm tính khẩu ngữ; cấu trúc đối thoại dựa trên những nội dung đối nghịch.  - Sử dụng các thủ pháp trào phúng như: tạo tình huống kịch tính, cải trang; dùng điệu bộ gây cười; dùng thủ pháp phóng đại, chơi chữ, gây hiểu lầm, thoại bỏ lửng, nhại… | **\*) Bi kịch**  - Bi kịch là một thể loại của kịch, thể hiện xung đột không thể giải quyết giữa khát vọng cao đẹp của con người với khả năng, tình thế thực hiện.  - Xung đột bi kịch nảy sinh do mâu thuẫn giữa các việc đối nghịch nhau (cái thiện với cái ác, cái cao cả với cái thấp hèn, giữa các mặt khác nhau của tính cách, mong muốn chủ quan và điều kiện khách quan)  -Các xung đột này tạo nên bởi hành động có ý thức của nhân vật trong việc thực hiện cái tất yếu mà nó tự thấy trước là không tránh khỏi bị tai họa.  -Qua hành động, nhân vật bộc lộ tính cách, phẩm chất của mình. Nhân vật bi kịch có sức mạnh lớn lao, phẩm chất cao cả, lí tưởng, khát vọng đẹp đẽ,... nhưng phải đối mặt với số phận nghiệt ngã, những quyết định khó khăn, sự không thuận lợi của hoàn cảnh,...  -Lời thoại của nhân vật thường thể hiện sự căng thẳng, những giằng xé nội tâm, có tính hùng biện, triết lí, hoặc có tính chất mĩ lệ, trau chuốt,...  **\*) Đề tài của bi kịch**  - Đề tài của bi kịch thường mượn từ lịch sử hay huyền thoại, đề cập những vấn đề lớn, có tính vĩnh cửu của cuộc sống con người.  -Cốt truyện của bi kịch: chuỗi hành động tuân theo quy tắc nhân quả, dẫn tới kết cục bi thảm của nhân vật chính. Kết thúc bi thảm của nhân vật có ý nghĩa thức tỉnh, dự báo một cái gì tốt đẹp hơn sẽ nảy sinh trong cuộc sống và trong mỗi con người. | **\*) Chéo**  - Là loại hình kịch hát dân gian ( phổ biến ở đồng bằng Bắc Bộ ), thường đc diễn ở sân đình trong các lễ hội. Dần dần chèo đc phát triển hơn với các gánh/ đoàn chèo.  **\*) Nghệ thuật chèo**  - Mang tính tổng hợp, có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa nói, hát, múa với các đạo cụ nhạc khí dân tộc độc đáo, trên cơ sở một tích trò (còn gọi là tích truyện, chèo bản hay tích)có sẵn.  **\*) Tích trò**  - Yếu tố quan trọng của vở chèo, làm cơ sở cho các hoạt động biểu diễn.  - Tuy có tính ổn định nhưng vẫn để khả năng thêm thắt bổ sung cho diễn viên 🡺 tích trò có nhiều dị bản – sáng tác mang tính tập thể.  - Thường đc xd dựa vào truyện cổ tích hay truyện thơ Nôm về các đề tài sinh hoạt, đạo đức gần gũi với khán giả bình dân.  **\*) Nhân vật của chèo**  - Gần gũi với đời sống thường ngày của người dân lđ xưa. ( nhiều hạng người trong xã hội, có địa vị, nghề nghiệp,..khác nhau).  - Chia làm 2 loại: vai chín ( tích cực), vai lệch ( tiêu cực)  - Mỗi loại nhân vật thường tự biểu hiện mình = một điệu hát và múa đặc trưng. ( ấn tượng mạnh nhất với những vai nữ, vai hề ).  **\*) Tuồng**  - Là loại hình kịch cổ truyền của dân tộc. Phát triển mạnh dưới triều Nguyễn ở vùng Nam Trung Bộ. Có hai bộ khác nhau: tuồng cung đình và tuồng dân gian.  **\*) Nghệ thuật tuồng**  - Mang tính tổng hợp, phối hợp cả văn học ca nhạc và vũ đạo.  - Tích tuồng giàu yếu tố hài🡺châm biếm các thói hư hay đả kích một số hạng người trong XH  - Một tích tuồng có nhiều dị bản ( vì được bổ sung, chỉnh sửa thường xuyên trong khi biểu diễn, lưu truyền). | **\*) Bi kịch** - Bi kịch là một thể loại thuộc về kịch.  -Bi kịch tập trung diễn tả những xung đột hệ trọng, căng thẳng tột độ giữa những mong muốn, hành động cao đẹp của con người với những tình thế bi đát hay trở ngại tồn tại ngay trong bản tính con người. Việc thắt nút, triển khai và giải quyết những xung đột như vậy làm nên cốt truyện bi kịch.  -Thường kết thúc bằng thảm cảnh hay bằng cái chết của một loạt nhân vật🡺 nỗi đau khổ cùng cực 🡺 tiếng nói khẳng định sự bất tử của ý chí, tinh thần của con người chống lại những tình thế bi đát, những yếu hèn của cá nhân con người.  **\*) Nhân vật trong bi kịch**  - Là nhân vật có khát vọng cao đẹp, tính cách mạnh mẽ, thường trải qua những trạng thái bế tắc trong các tình huống nặng nề và kết thúc bi thảm.  -Lời thoại căng thẳng 🡺 sự trăn trở và ý chí của những nhân cách mạnh mẽ, ko khuất phục.  **\*) Xung đột trong bi kịch**  - Là những mâu thuẫn gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật như một nhân cách mạnh mẽ với cái tất yếu vốn được thể hiện qua những thế lực như định mệnh, bản tính tự nhiên, định kiến thời đại, thực tại xã hội,…  \*) Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch  -Khi theo dõi hành động kịch căng thẳng, gay gắt, kết cục bi thảm, người tiếp nhận bi kịch có thể sợ hãi, kinh hoàng, thương cảm, xót xa như chính mình đang trải qua cùng nhân vật 🡺 thấy căm ghét cái đê tiện, giả dối; ngưỡng mộ, cảm phục cái cao cả; tâm hồn như được thanh lọc, trở nên hài hòa, thăng bằng hơn 🡺 hiệu ứng thanh lọc của bi kịch. | **\*) Hài kịch**  - Hài kịch- 1 thể loại kịch, dùng tiếng cười 🡺chế giễu những thói xấu, hiện tượng đáng phê phán ( cực đoan, lạc hậu, ảo tưởng…)  - Tiếng cười hài kịch cất lên từ những cái ngộ nghĩnh, ngược đời, bất hợp lí.  - Hài kịch làm thay đổi cách nhìn của người đọc, người xem về 1 hiện tượng XH🡺khẳng định lối sống lành mạnh, lạc quan🡺 hài kịch nhất định phải đưa ra 1 kết cục có hậu đối với người đọc.  **\*) Nhân vật trong hài kịch**  - Là những nhân vật tiêu biểu cho những thói tật đáng cười, đáng phê phán hoặc những nhân vật có cách ứng xự ko phù hợp với hoàn cảnh thực tế.  - Hiếm khi là kẻ hung ác, phổ biến là người có những sai lầm cần khắc phục ( những nhân vật có tính cách nhất quán, đc xây dựng cường điệu, tô đậm nét đáng cười)  - Có các nhân vật phụ là các đại diện cho 1 lực lượng đối kháng tiến bộ nào đó.  **\*) Tình huống hài kịch**  - Là những tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thế sự với những toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người.  - Tình huống hài kịch còn có thể là những tình huống hiểu lầm, trớ trêu, dở khóc dở cười, song không bi đát và luôn có thể được giải quyết tốt đẹp.  **\*) Xung đột trong hài kịch**  - Được xây dựng trên cơ sở mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất, mưu kế tầm thường, bất chấp đạo đức, lẽ phåi,.. (phần nhiều là ảo tưởng) với những chuẩn mực và tiến bộ xã hội.  -Xung đột trong hài kịch dù căng thẳng đến mấy, cũng luôn có khả năng được giải quyết theo huớng cái xấu, cái không hoàn thiện bị phủ nhận🡺 cái tốt đẹp, tiến bộ được khẳng định.  **\*) Hành động trong hài kịch**  -Chủ yếu là hành động bên ngoài, những toan tính, mưu mô của nhân vật đều bộc lộ hết ra lời (hài kịch không nhấn mạnh trăn trở nội tâm - hành động bên trong).  -Hành động tô đậm nét tính cách chủ đạo của nhân vật hay tính chất cực đoan của những mưu mô, toan tính, không phải làm nổi bật sự kiện, bởi vậy, diễn biến hành động qua mỗi hồi kịch thuờng mở ra các bình diện khác nhau của cái đáng cười hơn là thúc đẩy xung đột đi tới hồi kết.  **\*) Kết cục của hài kịch**  - Tổ chức trên cơ sở 1 hành động kịch nhất quán  +) Mở đầu: = việc giới thiệu các nhân vật với những thói tật, những toan tính, mưu mô  +) Thắt nút: đưa các nhân vật vào tình huống khó xử, đẩy xung đột đến đỉnh điểm theo đà của những tính toán.  +) Giải quyết: bằng 1 mưu mẹ hoặc 1 yếu tố ngẫu nhiên để kết thúc với sự sụp đổ của những toan tính.  **\*) Thủ pháp trào phúng trong hài kịch**  - Các cách thức bất ngờ làm bật lên tiếng cười mỉa mai, châm biếm, hạ thấp đối tượng  - Thường dùng các thủ pháp trào phúng: tạo tình huống hiểu lầm hài hước, trớ trêu phóng đại cử chỉ và các thói tật 🡺 tạo tương phản gây cười. **\*) Ngôn ngữ trong hài kịch**  -Về**ngôn từ** hài kịch sử dụng rất nhiều biện pháp như: cường điệu, tương phản, lặp, nhại, chơi chữ, nói bóng gió, nói lái, nói quá, nói lỡ, nói không ra tiếng....  -Đối thoại trong hài kịch có khi được tổ chức theo kiểu đối chọi có khi được triển khai xoay quanh tình huống “ông nói gà, bà nói vịt” 🡺 sự lệch kênh về ý thức; cũng có khi đột ngột bỏ lửng lời thoại khiến người đọc, người xem bật cười. |